

**DANH SÁCH SINH VIÊN K7 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 9 /QĐ-CDKTKT-DT, ngày 5 tháng 01 năm 2017)

Lớp: K7CD-Điện A - Ngành công nghệ kỹ thuật điện

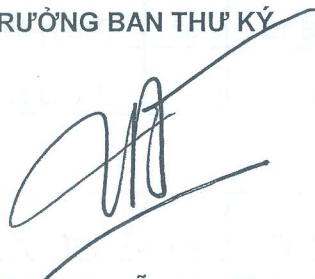
STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU111C660038	Phan Thành	Long	24/12/1993	105	6,48	2,16	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K7CD-TCNH- Ngành chính ngân hàng

2	DTU111C700072	Hoàng Văn	Thụ	04/11/1993	105	6,06	2,03	Trung bình	Trả nợ học phần
---	---------------	-----------	-----	------------	-----	------	------	------------	-----------------

Danh sách ấn định: 02 sinh viên

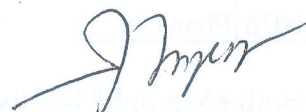
TRƯỞNG BAN THỦ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 03 tháng 01 năm 2017

Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN K8 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 9 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 5 tháng 01 năm 2017)

Lớp: K8CD-Máy - Ngành công nghệ chế tạo máy

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU112C5102010047	Hoàng Văn	Tuyên	05/07/1994	105	6,16	2,03	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K8CD-KTA - Ngành kế toán tổng hợp

2	DTU101C683020	Ngô Văn	Quân	15/04/1992	105	6,11	2,01	Trung bình	Trả nợ học phần
---	---------------	---------	------	------------	-----	------	------	------------	-----------------

Lớp: K8CD-KTB - Ngành kế toán tổng hợp

3	DTU111C680182	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/01/1990	105	7,01	2,65	Khá	Trả nợ học phần
4	DTU112C3403010060	Đặng Ngọc	Ánh	07/06/1994	105	6,13	2,02	Trung bình	Trả nợ học phần
5	DTU112C3403010078	Phan Chí	Thêm	03/02/1992	105	6	2	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K8CD-XD - Ngành công nghệ kỹ thuật xây dựng

6	DTU112C5101030020	Đinh Văn	Sơn	25/09/1994	105	6,56	2,25	Trung bình khá	Trả nợ học phần
---	-------------------	----------	-----	------------	-----	------	------	----------------	-----------------

Lớp: K8CD-CD Ngành công nghệ kỹ thuật giao thông

7	DTU112C5101040012	Nguyễn Hồng	Linh	12/01/1991	105	6,42	2,16	Trung bình	Trả nợ học phần
8	DTU112C5101040015	Nguyễn Quang	Thành	25/04/1994	105	6,51	2,21	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Lớp: K8CD-TCNH - Ngành tài chính ngân hàng

9	DTU112C3402010031	Hứa Thị Kim	Thùy	18/03/1994	105	6,84	2,39	Trung bình khá	Trả nợ học phần
10	DTU112C3402010022	Chu Hồng	Việt	26/05/1994	105	6,56	2,3	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Danh sách ấn định: 10 sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 03 tháng 01 năm 2017

Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

DANH SÁCH SINH VIÊN K9 ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHUYÊN NGHIỆP ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 9 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 5 tháng 01 năm 2017)

Lớp: K9CD-CD - Ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCT L	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	DTU131C5101040005	Ma Duy	Công	06/05/1995	105	6,5	2,25	Trung bình khá	Trả nợ học phần
2	DTU131C5101040004	Hoàng Văn	Phổ	15/08/1993	105	6,38	2,1	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-ĐCMT - Ngành Địa chính môi trường

3	DTU131C8501040058	Trần Đức	Thịnh	21/01/1994	105	6,44	2,21	Trung bình khá	Trả nợ học phần
4	DTU131C8501040053	La Anh	Trọng	06/10/1994	105	6,88	2,48	Trung bình khá	Trả nợ học phần
5	DTU131C8501040031	Thào A	Trừ	10/01/1992	105	6,27	2,05	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-Điện A- Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

6	DTU131C5103010006	Hồ Đức	Dương	23/08/1995	105	6,17	2,06	Trung bình	Trả nợ học phần
7	DTU131C5103010132	Đoàn Văn	Hiệu	17/12/1990	105	6,86	2,48	Trung bình khá	Trả nợ học phần
8	DTU131C5103010064	Ma Văn	Huân	27/01/1994	105	6,26	2,13	Trung bình	Trả nợ học phần
9	DTU131C5103010042	Nông Đức	Toàn	14/06/1993	105	6,19	2,02	Trung bình	Trả nợ học phần
10	DTU131C5103010041	Hoàng Kim	Tú	11/12/1994	105	6,18	2,01	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-Điện B- Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

11	DTU131C5103010054	Đặng Danh	Dũng	03/10/1992	105	6,65	2,35	Trung bình khá	Trả nợ học phần
12	DTU131C5103010015	Nông Đức	Nhân	06/07/1995	105	6,27	2,04	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-KT- Ngành Kế toán tổng hợp

13	DTU131C3403010018	Nguyễn Công	Doanh	18/05/1995	105	6,3	2,18	Trung bình	Trả nợ học phần
14	DTU131C3403010005	Ngô Anh	Tuấn	02/12/1993	105	6,03	2,03	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-Máy- Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí

15	DTU131C5102010044	Nguyễn Văn	Duy	17/07/1992	105	7,09	2,62	Khá	Trả nợ học phần
16	DTU131C5102010061	Vũ Đình	Quyết	23/03/1991	105	6,59	2,29	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-QLĐ - Ngành Quản lý đất đai

17	DTU131C8501030045	Lộc Văn	Đình	04/06/1994	105	6,75	2,44	Trung bình khá	Trả nợ học phần
18	DTU131C8501030019	Nguyễn Hà Tuấn	Minh	08/03/1994	105	6,81	2,4	Trung bình khá	Trả nợ học phần

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCT L	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
19	DTU131C8501030063	Lý Văn	Út	03/08/1995	105	6,9	2,49	Trung bình khá	Trả nợ học phần
20	DTU131C8501030044	Dương Thị	Xanh	05/06/1994	105	6,42	2,18	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-QLMT - Ngành Quản lý môi trường

21	DTU131C8501010017	Đỗ Lưu Mạnh	Hùng	28/07/1994	105	6,74	2,35	Trung bình khá	Trả nợ học phần
22	DTU131C8501010091	Đàm Quang	Khôi	12/12/1995	105	6,4	2,14	Trung bình	Trả nợ học phần
23	DTU131C8501010084	Mông Thị	Lượng	23/04/1995	105	6,59	2,27	Trung bình khá	Trả nợ học phần
24	DTU112C3403010068	Linh Đình	Thái	18/12/1991	105	6,45	2,21	Trung bình khá	Trả nợ học phần
25	DTU131C8501010083	Mông Thị	Trang	10/10/1995	105	6,49	2,25	Trung bình khá	Trả nợ học phần
26	DTU131C8501010006	Dương Bá	Tuyến	15/09/1994	105	6,52	2,23	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-QTKD - Ngành Quản trị kinh doanh

27	DTU131C3401010010	Lê Xuân	Hoà	22/10/1993	105	6,37	2,18	Trung bình	Trả nợ học phần
28	DTU131C3401010003	Nguyễn Như	Trãi	02/06/1985	105	6,3	2,16	Trung bình	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-TCNH - Ngành Tài chính ngân hàng

29	DTU131C3402010006	Lương Thị	Ly	26/03/1995	105	6,38	2,16	Trung bình	Trả nợ học phần
----	-------------------	-----------	----	------------	-----	------	------	------------	-----------------

Lớp: K9CD-CNTT - Ngành Công nghệ thông tin

30	DTU131C4802010049	Tạ	Hùng	23/11/1992	105	7,14	2,68	Khá	Trả nợ học phần
31	DTU131C4802010019	Dương Văn	Lâm	17/09/1995	105	6,22	2,02	Trung bình	Trả nợ học phần
32	DTU131C4802010010	Hà Phương	Nam	29/12/1995	105	6,21	2	Trung bình	Trả nợ học phần
33	DTU131C4802010018	Lê Thị	Ngọc	04/06/1994	105	6,92	2,47	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-TT - Ngành Khoa học cây trồng

34	DTU131C6201100005	Vi Văn	Hiệp	11/05/1994	105	7,01	2,59	Khá	Trả nợ học phần
35	DTU131C6201100016	Lý Quốc	Khánh	17/08/1995	105	6,56	2,3	Trung bình khá	Trả nợ học phần
36	DTU131C6201100003	Đoàn Tuấn	Vũ	13/12/1995	105	6,77	2,42	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Lớp: K9CD-TY - Ngành Thú y

37	DTU131C6402010041	Lục Minh	Huế	01/03/1995	105	6,28	2,1	Trung bình	Trả nợ học phần
38	DTU131C6402010018	Cao Hoài	Thu	08/10/1995	105	6,61	2,25	Trung bình khá	Trả nợ học phần
39	DTU131C6402010033	Vũ Ngọc	Trai	28/03/1995	105	6,56	2,31	Trung bình khá	Trả nợ học phần

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCT L	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		

Lớp: K9CD-XD - Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng

40	DTU131C5101030006	Đào Văn	Quý	21/05/1994	105	6,32	2,07	Trung bình	Trả nợ học phần
41	DTU131C5101030018	Trần Mạnh	Tuấn	28/09/1993	105	6,54	2,21	Trung bình khá	Trả nợ học phần

Danh sách ấn định: 41 sinh viên

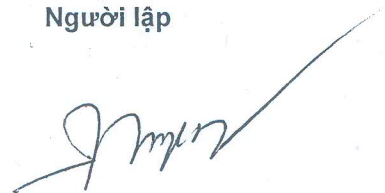
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày 03 tháng 01 năm 2017

Người lập



Kiều Thị Thanh Huyền

